



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy Chứng Nhận Đăng ký

Kinh doanh số

0400101556

ngày 13 tháng 1 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101556 ngày 13 tháng 1 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Phổ
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Nguyễn Văn Phước
Ông Đào Ngọc Phương
Ông Bùi Nguyên Tiến

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành Viên

Ban Kiểm soát

Ông Phan Hữu Phu
Bà Nguyễn Thị Phương Mai
Ông Nguyễn Thanh Liêm

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Nguyễn Văn Phước
Ông Trần Đình Thành
Ông Đinh Duy Tường
Ông Bùi Đình Thành
Ông Nguyễn Văn Hải
Bà Hoàng Thùy Oanh
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ 14/2/2012)
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 4 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-02-212-d


Đàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2012


Lê Việt Hùng

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0296/KTV

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		394.366.185.593	319.294.807.102
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	35.855.115.262	6.426.356.730
Tiền	111		14.455.115.262	6.426.356.730
Các khoản tương đương tiền	112		21.400.000.000	-
Các khoản phải thu	130	5	77.115.877.846	85.506.120.437
Phải thu khách hàng	131		68.258.418.170	81.294.682.952
Trả trước cho người bán	132		3.479.302.282	2.504.680.438
Các khoản phải thu khác	135		5.378.157.394	1.706.757.047
Hàng tồn kho	140	6	254.283.090.819	218.041.590.749
Hàng tồn kho	141		254.392.812.724	218.404.504.727
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(109.721.905)	(362.913.978)
Tài sản ngắn hạn khác	150		27.112.101.666	9.320.739.186
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.491.714.414	419.770.386
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.429.443.602	5.974.923.211
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		36.452.481	453.598.527
Tài sản ngắn hạn khác	158		16.154.491.169	2.472.447.062
Tài sản dài hạn	200		344.643.444.629	268.981.632.710
Tài sản cố định	220		325.311.551.038	262.449.550.577
Tài sản cố định hữu hình	221	7	304.987.156.340	254.984.955.016
Nguyên giá	222		580.352.794.940	489.086.132.152
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(275.365.638.600)	(234.101.177.136)
Tài sản cố định vô hình	227	8	570.208.349	389.254.606
Nguyên giá	228		2.203.875.183	1.782.300.183
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.633.666.834)	(1.393.045.577)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	19.754.186.349	7.075.340.955
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	2.850.673.125	3.441.412.519
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		-	90.739.394
Đầu tư dài hạn khác	258		3.805.702.000	4.305.702.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(955.028.875)	(955.028.875)
Tài sản dài hạn khác	260		16.481.220.466	3.090.669.614
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	15.150.396.861	3.090.669.614
Lợi thế thương mại	269	12	1.330.823.605	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		739.009.630.222	588.276.439.812

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		521.298.254.043	447.760.034.644
Nợ ngắn hạn	310		357.902.813.655	324.556.334.278
Vay ngắn hạn	311	13	192.848.989.826	143.443.115.906
Phải trả người bán	312		88.899.960.530	87.316.460.822
Người mua trả tiền trước	313		8.040.685.979	11.469.291.911
Thuế phải nộp Nhà nước	314	14	1.653.306.773	1.728.846.599
Phải trả người lao động	315		53.525.649.529	71.415.038.153
Chi phí phải trả	316	15	2.652.419.231	4.072.541.208
Phải trả khác	319	16	9.267.463.521	4.614.997.507
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	1.014.338.266	496.042.172
Vay và nợ dài hạn	330		163.395.440.388	123.203.700.366
Vay dài hạn	334	18	159.768.909.878	121.427.364.591
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	3.626.530.510	1.776.335.775
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		207.311.879.157	134.998.919.624
Vốn chủ sở hữu	410		207.311.879.157	134.998.919.624
Vốn cổ phần	411	20	150.000.000.000	96.500.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	2.677.312.247
Quỹ đầu tư và phát triển	417	21	13.552.488.247	3.894.529.841
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	3.226.232.333	1.411.810.971
Lợi nhuận chưa phân phối	420		40.533.158.577	30.515.266.565
LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỎ	439	22	10.399.497.022	5.517.485.544
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		739.009.630.222	588.276.439.812

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

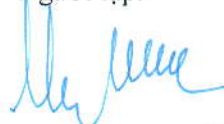
16 -04- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

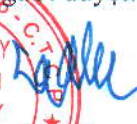
	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	23	1.666.279.269.335	1.298.726.860.954
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	(7.001.006.157)	(389.603.443)
Doanh thu thuần	10		1.659.278.263.178	1.298.337.257.511
Giá vốn hàng bán	11		(1.491.773.279.777)	(1.155.368.735.206)
Lợi nhuận gộp	20		167.504.983.401	142.968.522.305
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	27.650.278.389	34.534.708.246
Chi phí tài chính	22	25	(47.360.871.914)	(62.900.153.205)
Chi phí bán hàng	24		(36.759.383.741)	(33.990.991.618)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(60.379.052.881)	(47.304.143.670)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.655.953.254	33.307.942.058
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		3.170.829.987	4.208.206.909
Chi phí khác	32		(1.285.712.315)	(1.787.973.684)
Lỗ được chia từ công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	45		-	(809.260.606)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	50		52.541.070.926	34.918.914.677
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	(3.456.763.816)	(1.284.755.792)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		49.084.307.110	33.634.158.885
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	22	5.319.950.457	1.660.844.939
Chủ sở hữu của Công ty	62		43.764.356.653	31.973.313.946
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	4.023	3.012

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc



16-04-2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	96.500.000.000	(517.555.991)	1.933.090.329	796.557.637	12.847.158.722	111.559.250.697
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	3.194.868.238	-	-	-	3.194.868.238
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.961.439.512	615.253.334	(5.657.468.720)	(3.080.775.874)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	31.973.313.946	31.973.313.946
Cổ tức	-	-	-	-	(8.647.597.955)	(8.647.597.955)
Khác	-	-	-	-	(139.428)	(139.428)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	96.500.000.000	2.677.312.247	3.894.529.841	1.411.810.971	30.515.266.565	134.998.919.624
Góp vốn	43.850.000.000	-	-	-	-	43.850.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(2.677.312.247)	-	-	-	(2.677.312.247)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	9.657.958.406	1.814.421.362	(14.446.464.641)	(2.974.084.873)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	43.764.356.653	43.764.356.653
Cổ tức (Thuyết minh 28)	9.650.000.000	-	-	-	(19.300.000.000)	(9.650.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	150.000.000.000	-	13.552.488.247	3.226.232.333	40.533.158.577	207.311.879.157

Người lập:

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



16-04-2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		52.541.070.926	34.918.914.677
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		48.945.789.740	49.369.453.443
Các khoản dự phòng	03		2.371.087.295	2.852.270.154
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(205.970.585)	(164.331.884)
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		2.992.909.669	(1.188.911.519)
Lỗ từ đầu tư vào công ty liên kết	05		-	809.260.606
Chi phí lãi vay	06		21.538.615.077	22.011.479.257
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		128.183.502.122	108.608.134.734
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(11.595.345.846)	51.568.309.762
Biến động hàng tồn kho	10		(35.905.344.967)	(73.481.396.511)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(21.057.617.075)	46.504.158.049
Biến động chi phí trả trước	12		(1.775.564.227)	(798.577.931)
			57.849.630.007	132.400.628.103
Tiền lãi vay đã trả	13		(20.797.949.122)	(21.800.656.915)
Tiền thuế TNDN đã trả	14		(3.520.181.027)	(2.833.287.682)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.229.873.412)	(4.403.530.411)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.301.626.446	103.363.153.095
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(129.467.448.619)	(49.165.193.941)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.858.348.551	1.117.025.272
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(1.246.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		500.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		2.091.692.307	528.663.707
Tiền thu được từ hợp nhất kinh doanh	28		370.434.862	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(124.646.972.899)	(48.765.504.962)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		43.850.000.000	-
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số trong các công ty con	31		2.035.800.000	3.545.693.955
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.339.227.743.995	902.777.835.317
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.249.964.646.971)	(962.341.762.206)
Tiền chi trả cổ tức	36		(9.650.000.000)	(8.647.597.955)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số trong các công ty con	36		(1.669.736.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		123.829.161.024	(64.665.830.889)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		29.483.814.571	(10.068.182.756)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		6.426.356.730	16.514.559.171
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(55.056.039)	(20.019.685)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	35.855.115.262	6.426.356.730

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Giá mua phát sinh cho hợp nhất kinh doanh chưa thanh toán	1.530.000.000	-
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	9.650.000.000	-

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

16-04-2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một Tổng công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các công ty con sau:

Tên công ty	31/12/2011		31/12/2010	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	77%	77%	74%	74%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Quảng Nam (*)	32%	54%	32%	54%

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn sở hữu 32% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Quảng Nam. Tuy nhiên, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Quảng Nam thống nhất dành cho Tập đoàn 54,2% quyền biểu quyết trong các Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Quảng Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có 6.943 nhân viên (31/12/2010: 6.020 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đo lường hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phương pháp phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Trong năm 2010, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và nợ phải trả tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Theo đó, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tập đoàn không nắm quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban lãnh đạo Tập đoàn cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
▪ tài sản khác	2 - 5 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giá trị của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-5 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm.

(ii) Chi phí sản xuất thử

Chi phí sản xuất thử được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái thể hiện các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến xây dựng cơ bản của tài sản cố định hữu hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iv) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác thể hiện các khoản trả trước cho hoạt động kinh doanh và sản xuất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vòng 2 - 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Nếu giá trị hợp lý tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận là lợi thế thương mại và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập bằng 1-3% của tổng quỹ lương được sử dụng làm căn cứ tính Bảo hiểm Xã hội, tuân theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho hàng gia công và được chấp nhận bởi người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2011, Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ (một công ty con mà Tập đoàn sở hữu 72% vốn cổ phần) đã mua lại 51% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thời Trang Vinatex Hòa Thọ (một công ty liên kết mà Tập đoàn sở hữu 30% vốn cổ phần trước khi phát sinh nghiệp vụ mua lại nêu trên) với giá mua là 1,53 tỷ VND, trong đó phần giá mua được góp bởi Tập đoàn là 1,1 tỷ VND và phần còn lại trong giá mua do Cổ đông thiểu số góp là 0,43 tỷ VND. Sau đó, vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty Cổ phần Kinh doanh Thời trang Vinatex Hòa Thọ đã sáp nhập vào Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ theo tỷ lệ một cổ phần của Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ đổi tương ứng một cổ phần của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thời trang Vinatex Hòa Thọ. Việc mua lại quyền sở hữu 51% vốn tại Công ty Cổ phần Kinh doanh Thời trang Vinatex Hòa Thọ có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày hợp nhất kinh doanh như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm hợp nhất kinh doanh VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	370.434.862	-	370.434.862
Các khoản phải thu – ngắn hạn	525.318	-	525.318
Hàng tồn kho	82.963.030	-	82.963.030
Tài sản ngắn hạn khác	53.963.934	-	53.963.934
Tài sản cố định hữu hình	40.562.291	-	40.562.291
Chi phí trả trước dài hạn	528.793.518	-	528.793.518
Tài sản dài hạn khác	378.658.932	-	378.658.932
Nợ phải trả ngắn hạn	(1.768.443.190)	-	(1.768.443.190)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	(312.541.305)	-	(312.541.305)
Phần tài sản thuần sở hữu			(208.527.559)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			1.400.866.953
Tổng giá trị			1.192.339.394
Giá cổ phiếu mua thêm			1.101.600.000
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết đã có			90.739.394
Tổng giá trị đầu tư vào công ty con			1.192.339.394

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	143.457.500	104.605.433
Tiền gửi ngân hàng	14.311.657.762	6.321.751.297
Các khoản tương đương tiền	21.400.000.000	-
	35.855.115.262	6.426.356.730

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số ngoại tệ xấp xỉ 5.258 triệu VND (31/12/2010: 1.881 triệu VND).

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm 900 triệu VND (31/12/2010: Không có) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	7.680.494.385	4.424.760.031

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 62 tỷ VND (31/12/2010: Không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của các công ty trong Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc Tập đoàn. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá thời gian chậm trả được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn nắm giữ tài sản đảm bảo với giá trị là 25,4 tỷ VND cho khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 15,5 tỷ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	31/12/2011 VND
Trong hạn	67.354.152.910
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	2.378.607.911
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	2.210.416.536
Quá hạn trên 180 ngày	1.693.398.207
	73.636.575.564

6. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi trên đường	26.166.677.327	35.084.346.662
Nguyên vật liệu	54.058.668.437	40.090.286.239
Công cụ và dụng cụ	196.326.200	115.326.174
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	89.489.183.739	93.244.362.169
Thành phẩm	66.675.901.975	45.370.803.813
Hàng hóa	713.619.211	175.753.567
Hàng gửi đi bán	17.092.435.835	4.323.626.103
	254.392.812.724	218.404.504.727
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(109.721.905)	(362.913.978)
	254.283.090.819	218.041.590.749

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	362.913.978	1.411.463.361
Tăng dự phòng trong năm	25.000.000	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(278.192.073)	(760.537.547)
Hoàn nhập	-	(288.011.836)
	109.721.905	362.913.978

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 hàng tồn kho có giá trị sổ sách là 138 tỷ VND (31/12/2010: 113 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Bao gồm trong hàng thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 3,9 tỷ VND (31/12/2010: 5,8 tỷ VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	107.497.340.505	352.046.396.046	14.626.207.213	6.309.000.728	8.607.187.660	489.086.132.152
Tăng trong năm	1.049.323.273	23.913.146.116	1.491.586.104	679.107.570	1.178.728.353	28.311.891.416
Tăng do mua mới một công ty con	-	-	-	78.507.660	-	78.507.660
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.656.025.910	67.108.880.790	-	184.542.182	165.625.000	83.115.073.882
Thanh lý	(971.473.413)	(8.693.733.730)	(2.771.531.096)	(215.382.395)	(149.570.000)	(12.801.690.634)
Phân loại lại	-	(15.986.080.254)	-	-	15.986.080.254	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.838.843.831)	(5.598.275.705)	-	-	-	(7.437.119.536)
Số dư cuối năm	121.392.372.444	412.790.333.263	13.346.262.221	7.035.775.745	25.788.051.267	580.352.794.940
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	37.671.980.060	175.428.541.353	9.459.713.587	5.060.638.354	6.480.303.782	234.101.177.136
Khấu hao trong năm	6.135.914.343	39.055.553.383	1.558.989.122	969.625.129	915.043.158	48.635.125.135
Tăng do mua mới một công ty con	-	-	-	37.945.369	-	37.945.369
Thanh lý	(843.728.784)	(2.330.909.900)	(2.319.149.028)	(215.382.395)	(149.570.000)	(5.858.740.107)
Phân loại lại	-	(4.303.626.425)	-	-	4.303.626.425	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(95.753.885)	(1.454.115.048)	-	-	-	(1.549.868.933)
Số dư cuối năm	42.868.411.734	206.395.443.363	8.699.553.681	5.852.826.457	11.549.403.365	275.365.638.600
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	69.825.360.445	176.617.854.693	5.166.493.626	1.248.362.374	2.126.883.878	254.984.955.016
Số dư cuối năm	78.523.960.710	206.394.889.900	4.646.708.540	1.182.949.288	14.238.647.902	304.987.156.340

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản có giá trị ghi sổ là 86 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2010: 75 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 295 tỷ VND (31/12/2010: 192 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.782.300.183
Tăng trong năm	421.575.000
Số dư cuối năm	2.203.875.183
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.393.045.577
Khấu hao trong năm	240.621.257
Số dư cuối năm	1.633.666.834
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	389.254.606
Số dư cuối năm	570.208.349

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản trị giá 0,91 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2010: 0,85 tỷ VND).

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	7.075.340.955	2.123.445.752
Tăng trong năm	100.733.982.203	19.201.136.053
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(83.115.073.882)	(14.235.332.895)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.940.062.927)	-
Xóa sổ	-	(13.907.955)
Số dư cuối năm	19.754.186.349	7.075.340.955

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 12 tỷ VND (31/12/2010: Không có) được thế chấp ở ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 0,5 tỷ VND (2010: Không có).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

10. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản đầu tư dài hạn vào:		
Công ty liên kết:		
▪ Công ty CP Kinh doanh Thời trang Vinatex Hòa Thọ	-	90.739.394
Đầu tư dài hạn khác:		
▪ Công ty Cổ phần Bông miền Trung	855.702.000	855.702.000
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Quảng Đà	600.000.000	600.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hoà An	1.600.000.000	1.600.000.000
▪ Công ty Thương mại Chơn	750.000.000	750.000.000
▪ Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình	-	500.000.000
	3.805.702.000	4.396.441.394
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(955.028.875)	(955.028.875)
	2.850.673.125	3.441.412.519

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	955.028.875	327.587.665
Tăng dự phòng trong năm	-	627.441.210
Số dư cuối năm	955.028.875	955.028.875

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí chạy thử VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.182.928.830	-	-	907.740.784	3.090.669.614
Tăng trong năm	2.727.493.751	-	-	2.915.500.957	5.642.994.708
Chuyển sang từ tài sản cố định hữu hình	-	3.038.210.902	1.455.747.110	1.393.292.591	5.887.250.603
Chuyển sang từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.556.717.360	-	383.345.567	4.940.062.927
Phân bổ trong năm	(2.331.613.710)	-	-	(2.078.967.281)	(4.410.580.991)
Số dư cuối năm	2.578.808.871	7.594.928.262	1.455.747.110	3.520.912.618	15.150.396.861

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

12. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Tăng trong năm và số dư cuối năm	1.400.866.953
Giá trị hao mòn lũy kế	
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	70.043.348
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	1.330.823.605

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	163.911.369.213	115.390.006.286
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	28.937.620.613	28.053.109.620
	192.848.989.826	143.443.115.906

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng BIDV - (a)	USD	4,5%	59.857.985.557	30.983.199.056
Ngân hàng Indovina - (b)	USD	4,5%	37.541.248.438	12.859.631.427
Ngân hàng ANZ - (c)	USD	4,08% - 4,4%	31.340.966.533	-
Ngân hàng HSBC - (b)	USD	4,68% - 4,7%	16.850.692.618	24.967.018.955
Ngân hàng ANZ - (c)	EUR	4,08% - 4,4%	10.335.364.140	-
Ngân hàng Hàng Hải - (a)	USD	4,5%	5.796.352.837	1.550.720.120
Ngân hàng Quốc tế - Đà Nẵng	VND	19,3% - 21,8%	1.316.921.210	-
Ngân hàng Công thương - (d)	USD	4,5%	795.837.880	35.235.555.333
Vay từ ban liên lạc hữu trí - (d)	VND	14%	76.000.000	50.000.000
BIDV Quảng Nam	VND	15,5%	-	4.300.000.000
Ngân hàng Công thương	VND	15,5%	-	4.139.558.226
Ngân hàng Quốc tế - Đà Nẵng	USD	4,7%	-	1.304.323.169
			163.911.369.213	115.390.006.286

- Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4 tỷ VND (31/12/2010: 25 tỷ VND) và hàng tồn kho giá trị ghi sổ là 81 tỷ VND (31/12/2010: 51 tỷ VND).
- Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 25 tỷ VND (31/12/2010: 12 tỷ VND) và hàng tồn kho với giá trị là 57 tỷ VND (31/12/2010: 62 tỷ VND).
- Khoản vay được đảm bảo bằng khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 62 tỷ VND.
- Khoản vay không được bảo đảm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	884.317.619	1.158.670.788
Thuế xuất nhập khẩu	4.951.998	10.726.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp	496.032.274	559.449.485
Thuế khác	268.004.882	-
	1.653.306.773	1.728.846.599

15. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí hoạt động	702.812.474	2.464.999.102
Chi phí lãi vay	951.488.297	210.822.342
Chi phí phải trả khác	998.118.460	1.396.719.764
	2.652.419.231	4.072.541.208

16. Phải trả khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	2.197.357.055	1.440.242.578
Bảo hiểm xã hội	1.077.611.121	748.924.864
Bảo hiểm y tế	13.516.598	54.691.297
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.978.978.747	2.371.138.768
	9.267.463.521	4.614.997.507

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	496.042.172	(408.631.753)
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	2.974.084.873	3.080.775.874
Biến động khác	-	169.569.510
Sử dụng quỹ trong năm	(2.455.788.779)	(2.345.671.459)
Số dư cuối năm	1.014.338.266	496.042.172

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

18. Vay dài hạn

				31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn				188.706.530.491	149.480.474.211
Phải trả trong 12 tháng (Thuyết minh 13)				(28.937.620.613)	(28.053.109.620)
Phải trả sau 12 tháng				159.768.909.878	121.427.364.591
Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn còn số dư như sau:					
	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Khoản vay 1 (a)	VND	7,5% - 9%	2019	74.603.635.988	84.131.635.988
Khoản vay 2 (b)	USD	8,5% - 9,5%	2018	53.269.609.488	-
Khoản vay 3	VND	0%	2014	14.668.386.000	19.568.386.000
Khoản vay 4	VND	0%	2018	10.679.133.000	12.204.133.000
Khoản vay 5	USD	6,25%	2018	7.021.059.648	-
Khoản vay 6	VND	14% - 21%	2016	5.027.879.017	6.033.455.061
Khoản vay 7	USD	7,9% - 9%	2015	3.779.240.600	4.351.255.152
Khoản vay 8	VND	5,4%	2012	3.069.888.213	6.369.888.213
Khoản vay 9	USD	7,5% - 8%	2014	2.498.516.466	-
Khoản vay 10	VND	21,50%	2015	2.187.353.091	-
Khoản vay 11	USD	7% - 9%	2014	1.965.090.558	-
Khoản vay 12	VND	13%	2015	1.722.000.000	2.214.000.000
Khoản vay 13	VND	14% - 18%	2014	1.630.000.000	2.190.000.000
Khoản vay 14	USD	7,5% - 8%	2013	1.567.931.840	2.239.655.600
Khoản vay 15	VND	18,5% - 19,5%	2012	1.496.185.000	2.696.185.000
Khoản vay 16	USD	7,9% - 9%	2014	835.327.768	1.033.460.016
Khoản vay 17	USD	6%	2014	615.988.100	-
Khoản vay 18	VND	12%	2013	528.600.000	817.000.000
Khoản vay 19	VND	5,2%	2013	331.019.404	465.140.308
Khoản vay 20	VND	14%-17%	2011	-	2.645.001.695
Khoản vay 21	VND	12% - 14,9%	2011	-	993.110.000
Khoản vay 22	VND	13% - 15,6%	2011	-	884.749.327
Khoản vay 23	VND	6,96% - 16,6%	2011	-	643.418.851
Khoản vay 24	VND	17,5% - 19%	2012	40.000.000	-
Khoản vay 25	VND	17,5% - 19%	2013	152.340.500	-
Khoản vay 26	VND	17,5% - 19%	2013	637.295.810	-
Khoản vay 27	VND	17,5% - 19%	2013	380.050.000	-
				188.706.530.491	149.480.474.211

- a. Khoản vay này gồm nhiều lần rút vốn và được bảo đảm bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 135 tỷ VND (31/12/2010: 155 tỷ VND).
- b. Khoản vay này gồm nhiều lần rút vốn và được bảo đảm bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 77 tỷ VND.

Các khoản vay dài hạn còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 54 tỷ VND, và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị 12 tỷ VND. Bên cạnh đó, các khoản vay này cũng được đảm bảo bằng lượng tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn trị giá 900 triệu VND.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Khoản vay dài hạn	188.706	239.657	42.895	45.779	100.485	50.497

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của khoản vay dài hạn dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Khoản vay dài hạn	188.706.530.491	184.086.708.926

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có khoản vay dài hạn trị giá 80.130 triệu VND chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Nếu lãi suất của các khoản vay dài hạn này tăng 1% sẽ làm lợi nhuận thuần của Tập đoàn giảm 800 triệu VND. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến tố khác, đặc biệt là tỷ giá hối đoái, sẽ không thay đổi.

19. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Số dư đầu năm	1.776.335.775	1.321.353.947
Dự phòng lập trong năm	2.624.279.368	2.512.840.780
Dự phòng sử dụng trong năm	(774.084.633)	(2.057.858.952)
	3.626.530.510	1.776.335.775

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn đã đóng 2.005 triệu VND (2010: 1.865 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	Được duyệt		Đã phát hành	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	107.424.820.000	71,62 %	107.424.820.000	71,62 %
Các cổ đông khác	42.575.180.000	28,38 %	42.575.180.000	28,38 %
	<u>150.000.000.000</u>	<u>100.00%</u>	<u>150.000.000.000</u>	<u>100.00%</u>

Biến động vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành trong năm như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.000.000	150.000.000.000	9.650.000	96.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	9.650.000	96.500.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	9.650.000	96.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	9.650.000	96.500.000.000	9.650.000	96.500.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	5.350.000	53.500.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>15.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>	<u>9.650.000</u>	<u>96.500.000.000</u>

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ Đông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Số dư đầu năm	5.517.485.544	310.946.650
Vốn góp	2.035.800.000	3.561.100.000
Lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	(532.413.746)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	5.319.950.457	1.660.844.939
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho lợi ích cổ đông thiểu số	(271.589.233)	-
Cổ tức	(1.669.736.000)	(15.406.045)
Số dư cuối năm	10.399.497.022	5.517.485.544

23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	1.666.279.269.335	1.298.726.860.954
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(56.022.768)	(88.590.909)
▪ Hàng bán bị trả lại	(6.944.983.389)	(301.012.534)
Doanh thu thuần	1.659.278.263.178	1.298.337.257.511

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi	1.893.692.307	391.088.159
Cổ tức được chia	198.000.000	161.750.196
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.266.124.224	33.817.538.007
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	206.892.531	164.331.884
Doanh thu hoạt động tài chính khác	85.569.327	-
	27.650.278.389	34.534.708.246

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

25. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	21.538.615.077	22.011.479.257
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	627.441.210
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.820.321.147	40.095.279.303
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	921.946	-
Chi phí tài chính khác	1.013.744	165.953.435
	47.360.871.914	62.900.153.205

26. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất hiệu quả

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	52.541.070.926	34.918.914.677
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	5.250.060.790	3.491.891.468
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	173.956.785	212.819.343
Chi phí không được khấu trừ thuế	161.830.705	90.550.787
Ưu đãi thuế	(3.524.583.416)	(2.978.677.338)
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận	69.840.303	(61.863.047)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	1.325.658.649	530.034.579
	3.456.763.816	1.284.755.792

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm 2007 và 25% cho những năm tiếp theo. Các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập cho 4 năm từ năm đầu tiên có lợi nhuận (năm 2007 đến 2010) và giảm 50% thuế thu nhập cho 9 năm tiếp theo (2011 đến 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty được quy định theo Luật thuế hiện hành.

Theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2011, Tổng Công ty thỏa mãn điều kiện về doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực dệt may và do đó Tổng Công ty được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho năm 2011.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	43.764.356.653	31.973.313.946

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2011	2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	9.650.000	9.650.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào ngày 09 tháng 12 năm 2011	264.301	-
Ảnh hưởng của số cổ tức chi trả bằng cổ phiếu trong năm	965.000	965.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10.879.301	10.615.000

28. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2011 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 19,3 tỷ VND bằng 20% vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong đó, 50% được phân phối theo hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu và 50% còn lại được trả bằng tiền.

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	2011 VND	2010 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Vốn góp	44.414.590.000	-
Trả các khoản vay trong năm	15.000.000.000	7.303.441.002
Lãi vay trong năm	1.470.849.314	497.584.848
Cổ tức công bố	16.469.657.237	12.602.046.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương	2.183.724.413	1.231.174.828
Thưởng	274.000.000	80.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

30. Cam kết

Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các cam kết mua tài sản cố định sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	57.992.608.214	159.093.171.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	9.406.133.893	201.269.471
	67.398.742.107	159.294.440.471

31. Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	251.927	383
Đầu tư ngắn hạn	2.713.610	-
Phải thu khách hàng	57.653	-
Tài sản tiền tệ khác	679.954	-
Phải trả người bán	(2.982.022)	-
Vay trả ngắn hạn	(7.306.659)	(378.460)
Vay trả dài hạn	(3.451.305)	-
Nợ phải trả tiền tệ khác	(345.125)	-
	(10.381.967)	(378.077)

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
1 USD	20.828	18.932
1 EUR	27.044	24.884

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến tố khác sẽ không thay đổi, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

**Ảnh hưởng đối với
lợi nhuận thuần
VND**

USD (mạnh thêm 8% so với VND)	(17.298.848.694)
EUR (mạnh thêm 5% so với VND)	(511.235.719)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.016.132.341.327	846.027.231.675
Chi phí nhân công	313.255.337.351	220.680.748.290
Chi phí khấu hao và phân bổ	48.945.789.740	49.369.453.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	246.566.555.978	145.661.881.693

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

16 -04- 2012